TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 6 - 2025
V/v "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn"

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Trần Văn Hân Em.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Phước.

2. Ông Võ Thành Tâm.

***- Thư ký phiên toà*:** bà Đặng Huỳnh Hoa Lý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2025/TLST-HNGĐ ngày 21/02/2025 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23/5/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981 (có mặt).

Đăng ký thường trú: tổ A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên lạc: tổ A, ấp T, xã B, huyện T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: ông Trần Mẫn S, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai ngày 21/3/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H (sau đây gọi là bà H) trình bày: sau thời gian tự tìm hiểu, bà H với ông Trần Mẫn S (sau đây gọi là ông S) tiến đến hôn nhân từ năm 2000, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện T, tỉnh An Giang vào ngày 31/12/2002. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung

tên là Trần Thanh X, sinh năm 2001 và Trần Bảo T, sinh năm 2006. Đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, ông S không quan tâm đến gia đình, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Mặc dù bà H cố gắng duy trì quan hệ hôn nhân nhưng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên ly thân từ tháng 12 năm 2022 cho đến nay. Quá trình chung sống, vợ chồng có một số tài sản chung nhưng bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay bà H yêu cầu được ly hôn với ông S; về con chung đã thành niên và tự lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; tài sản chung: không yêu cầu giải quyết; nợ chung: không có.

Bị đơn ông Trần Mẫn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các điều 70, 71; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên đã vi phạm các điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* qua xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 8, 9, 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên: chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H.

+ Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Trần Mẫn S.

+ Về con chung: có 02 con chung tên là Trần Thanh X, sinh năm 2001 và Trần Bảo T, sinh năm 2006. Chị X và chị T đã thành niên nên không xét đến.

+ Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

+ Về án phí: bà H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: theo đơn khởi kiện, bà H yêu cầu ly hôn với ông S. Vì vậy, quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình - Ly hôn", theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Trần Mẫn S có đăng ký thường trú tại xã T, huyện T, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông S đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, các lần triệu tập ông S đều vắng mặt, không lý do. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông S theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà H và ông S tiến đến hôn nhân vào năm 2000, có đăng ký kết hôn nên được UBND xã T, huyện T, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 174/KH, ngày 31/12/2002. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của bà H và ông S phù hợp với quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của bà H thấy rằng, bà H và ông Sơn S1 hạnh phúc thời gian đầu nhưng đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, do không phù hợp tính tình, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã và sống ly thân từ tháng 12 năm 2022 cho đến nay.

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần tống đạt hợp lệ cho ông S thông báo hòa giải, nhằm tạo điều kiện cho bà H và ông S hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông S đều vắng mặt, không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án. Tại phiên tòa, bà H xác định không còn tình cảm vợ chồng nên vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông S.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông S mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[4] Về quan hệ con chung: bà H và ông S có 02 con chung tên là Trần Thanh X, sinh năm 2001 và Trần Bảo T, sinh năm 2006. Chị X và chị T đã thành niên và tự lao động được nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Về tài sản chung: bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: không có.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà H yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 8, 9, 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

1.1. Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Trần Mẫn S.

1.2. Về con chung: có 02 con chung tên là Trần Thanh X, sinh năm 2001 và Trần Bảo T, sinh năm 2006. Chị X và chị T đã thành niên.

1.3. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0021689 ngày 21/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (bà H đã nộp đủ).

3. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Thoại Giang, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (để biết);
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Hân Em